TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH TƯỜNG** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/HNGĐ-ST
Ngày 09 - 9 - 2019
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thái Hòa

2. Ông Đặng Văn Minh

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thanh Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2019/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thanh H, sinh năm 1998, "có mặt".

Địa chỉ: Thôn Nghinh Tiên, xã N, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1987, "vắng mặt".

Hộ khẩu thường trú: Thôn Hạc Đình, xã L, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Hiện đang chấp hành án tại Đội 4, phân trại 4, Trại giam Vĩnh Quang, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 4 năm 2019 và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên toà, nguyên đơn chị Trần Thanh H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn M kết hôn với nhau ngày 13/6/2016, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu

và việc đi đến hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng gia đình anh ở thôn Hạc Đình, xã L, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống chị và anh M thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh M không tu chí làm ăn, chơi bời dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng mâu thuẫn. Tháng 01 năm 2019 anh M vi phạm pháp luật, bị xét xử và phải đi chấp hành án tại Trại giam, chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Đến nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với anh M.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Nguyễn Thanh T, sinh ngày 24/02/2017 (hiện nay cháu T đang ở cùng chị). Hiện nay chị đang buôn bán hoa quả mức thu nhập khoảng từ 5.000.000đ/01 tháng và ở cùng với mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị S có nhà đất rộng rãi, sử dụng ổn định. Ly hôn chị xin nuôi cháu T, không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh M tại bản tự khai ngày 04/6/2019 anh thừa nhận thời gian kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn như chị H trình bày là đúng. Nay chị H xin ly hôn anh nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thanh T, sinh ngày 24/02/2017, hiện nay đang ở cùng chị H. Ly hôn anh đồng ý để chị H nuôi cháu T, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện anh đang phải chấp hành hình phạt tù tại Trại giam nên không đến Tòa án để giải quyết vụ án được và anh có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về kiểm sát tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự:

Về việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Trần Thanh H được ly hôn với anh Nguyễn Văn M. Về con chung: Giao cho chị H được trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu T, anh M không phải cấp

dưỡng nuôi con chung. Về chia tài sản các đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị H khởi kiện yêu cầu được ly hôn và phân chia nuôi con chung với anh Nguyễn Văn M. Bị đơn anh M hiện có hộ khẩu và cư trú tại thôn Hạc Đình, xã L, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, theo qui định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

Đối với anh M hiện anh đang phải chấp hành hình phạt tù tại Trại giam không đến Tòa án để giải quyết vụ án được nên thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án chỉ tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Anh M có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh M theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Chị H và anh M kết hôn 13/6/2016, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã L, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu, hôn nhân tự nguyện, tiến bộ vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh M là tự nguyện, hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Xem xét hôn nhân giữa chị H và anh M thấy rằng cuộc sống chung vợ chồng giữa chị H và anh M có rất nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh M không tu chí làm ăn, chơi bời dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng mâu thuẫn. Tháng 01 năm 2019 anh M vi phạm pháp luật, bị xét xử và phải đi chấp hành án tại Trại giam, chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Như vậy, có thể thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh M đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị H xin ly hôn là chính đáng, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình do đó cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: chị H và anh M có 01 con chung Nguyễn Thanh T, sinh ngày 24/02/2017 (hiện đang ở cùng chị H). Ly hôn chị xin nuôi cháu T, không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung; anh M đồng ý với ý kiến chị H. Xét thấy chị H có công vệc, thu nhập, có chỗ ở do đó cần chấp nhận giao cháu T cho chị H nuôi dưỡng anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Chị H, anh M không đề nghị Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét. Sau khi ly hôn, nếu các đương sự có tài sản và có đề nghị thì Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo qui định của pháp luật.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thanh H được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 24/02/2017 (hiện đang ở cùng chị H) cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2017/0002188 ngày 13 tháng 5 năm 20198 của Chi cục Thi hành dân sự huyện Vĩnh Tường. Chị H đã nộp đủ án phí.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường;
- UBND xã Yên Lập;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Xuân Trọng